

PHỤ LỤC I
BẢNG TỔNG MỨC ĐẦU TƯ

(Kèm theo Quyết định số 446 /QĐ-UBND ngày 06 tháng 5 năm 2020 của UBND huyện Nam Đông)

Đơn vị tính: Đồng

Stt	Khoản mục chi phí	Ký hiệu	Cách tính	Chi phí trước thuế	Thuế GTGT	Chi phí sau thuế
[1]	[2]	[3]	[4]	[5]	[6]	[7]
1	Chi phí xây dựng	G1		536.596.364	53.659.636	590.256.000
2	Chi phí quản lý dự án	G2	G1*2,763%	14.826.158	1.482.616	16.309.000
3	Chi phí tư vấn đầu tư XD	G3	TV1+...+TV5			64.599.000
3.1	CP khảo sát	TV1	Theo giá trị thẩm định	9.834.545	983.455	10.818.000
3.2	CP lập BCKT - KT	TV2	G1*5,8%	31.122.589	3.112.259	34.235.000
3.3	CP thẩm tra BCKT-KT (thiết kế)	TV3	Tối thiểu	2.000.000	200.000	2.200.000
3.4	CP thẩm tra BCKT-KT (dự toán)	TV4	Tối thiểu	2.000.000	200.000	2.200.000
3.5	CP giám sát thi công xây dựng	TV5	G1*2,566%	13.769.063	1.376.906	15.146.000
4	Chi phí khác	G4	K1+K2			3.981.000
4.1	Phí thẩm định BCKT-KT	K1	TMĐT*0,019%			133.000
4.2	CP thẩm tra quyết toán	K2	(TMĐT-G5)*0,57%			3.848.000
5	Chi phí dự phòng	G5				24.855.000
6	TỔNG MỨC ĐẦU TƯ	G	G1+G2+...+G5			700.000.000

(Bảng chữ: Bảy trăm triệu đồng)